

THỰC PHẨM

Bình Dương, ngày 17 tháng 6 năm 2020

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 83/2020/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương xác nhận đã nhận
Bản công bố sản phẩm của

Đơn vị: **Công ty TNHH Đất Mới**

Địa chỉ: **Lô 133 - 1C, Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

Điện thoại: **0274.3737973**

Cho sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG APTAMIL 2 TODDLER FORMULA
- DÀNH CHO TRẺ TỪ 12-24 THÁNG TUỔI**

Cơ sở sản xuất: **Danone Nutricia NZ Ltd**

Địa chỉ: **56 - 58 Aintree Avenue, Airport Oaks, Auckland, 2022, New Zealand**

Sản xuất phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật:

- QCVN 8 – 1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8 – 2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8 – 3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp;
- Lưu ĐK;

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Đạt

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 039/NL- CBSP/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH ĐẤT MỚI**

Địa chỉ: Lô 133 - 1C, Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274.3737973

Fax:

E-mail: hoangthichaulam@newlandvietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 3700606200

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 19/2018/NNPTNT-BDG có hiệu lực đến ngày 13 tháng 3 năm 2021

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG APTAMIL 2 TODDLER FORMULA**
(Dành cho trẻ từ 12 – 24 tháng tuổi)

2. Thành phần: Sữa tách béo (sữa bò) 42,2%, đường lactose (sữa bò) 34,1%, kem sữa (sữa bò) 13,6%, galacto-oligosaccharides (GOS) 7,5% (sữa bò), fructo-oligosaccharides chuỗi dài (lcFOS) (rễ rau diếp xoăn), DHA (dầu cá), các khoáng chất [calci carbonat (calcium carbonate), Magnesi sulphat (Magnesium sulphate), sắt (II) sulfat (ferrous sulphate), kẽm sulfat (zinc sulphate), kali iodid (potassium iodide), các vitamin [Vitamin E (DL-alpha tocopheryl acetate), vitamin C (Sodium L-ascorbate), Nicotinamide, riboflavin, vitamin A (retinyl acetat), vitamin D3 (Cholecalciferol), acid folic (N-Pteroyl-L-glutamic acid), Vitamin B6 (Pyridoxin hydrochloride), vitamin B1 (thiamin hydrochloride), B.Breve M-16V.

Chứa chất nhũ hóa [lecithin (đậu nành) (INS 322 (i)), chất chống oxy hóa [Tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp) (INS 307b), ascorbyl palmitat (INS 304), dl-alpha tocopherol (INS 307c)]. Tất cả các chất phụ gia có nguồn gốc thực vật hoặc tổng hợp.

Các chất có thể gây dị ứng được in đậm trong thành phần.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem MFD và USE BY dưới đáy bao bì

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 900 g/hộp

Chất liệu bao bì: Đóng hộp thiếc chuyên dùng đảm bảo yêu cầu vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: Danone Nutricia NZ Ltd

Địa chỉ: 56-58 Aintree Avenue, Airport Oaks, Auckland, 2022, New Zealand

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

Thông tư 43/2014/TT-BYT quy định về quản lý thực phẩm chức năng

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Salmonella	Cfu/g	5
2	Enterobacteriaceae	Cfu/g	30

QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

2. Hàm lượng kim loại nặng:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	3,0
3	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,1
4	Hàm lượng Thiếc (Sn)	mg/kg	250

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm.

3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	ppb	0,025
2	Ochratoxin A	ppb	0,5
3	Patulin	ppb	10
4	Melamine	ppb	1,0
5	Deoxynivalenol	ppb	200
6	Zearalenone	ppb	20
7	Fumonision	ppb	200

QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm



Chúng tôi xin cam kết thực hiện chế độ kiểm tra và kiểm nghiệm định kỳ theo quy định hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 08 tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Đào Lý





OUR UNIQUE EXPERTISE

NOTE: Exclusive breast feeding for the first six months and sustained breast feeding until the child reaches two years or above.
If your child consumes formula milk, you will spend about 2,600,000 R for the first 6 months period.

Age of Toddler	Per Feed			No. of Feeds Per Day
	Aptamil [®] Level Scoops	Bottled Water		
		ml	fl oz	
12-24 months	2	100	3.4	4

IMPORTANT NOTICE:
1) If not prepared and used appropriately, health hazards may occur.
2) Only use on the advice of a health professional.
3) Health hazard may occur if introducing products before a child reaches a recommended age.
4) Feeding from a cup is more hygienic than a bottle.

STANDARD DILUTION: Add 1 scoop (3.2g) of Aptamil[®] Step 2 Toddler Formula to 100ml water. Proportions to be changed only with medical advice. Inappropriate preparation may affect your child's well-being. Prepare only one feed at a time. Use the amount that is prepared.

STORAGE INSTRUCTIONS: Use before expiry date on the bottom of tin. Store in a cool dry place before and after opening to avoid moisture. After opening, keep container airtight & use contents within 3 weeks.

PREPARATION INSTRUCTION

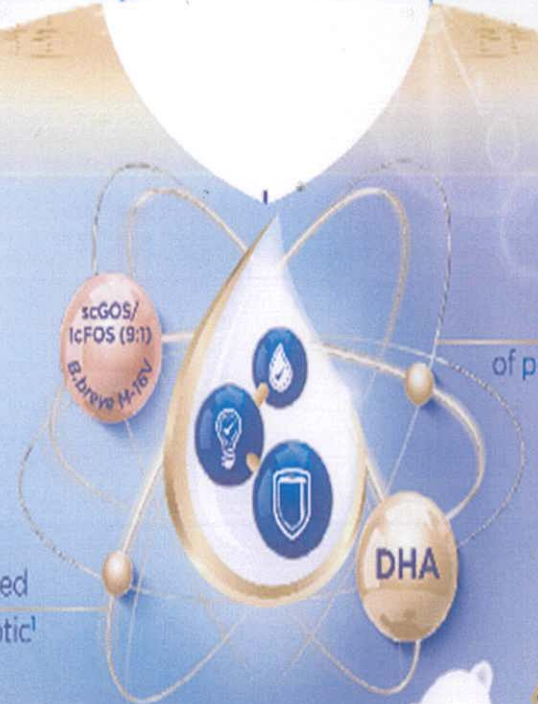
- Place the cleaned feeding and preparation equipment into the water. Make sure that the equipment is completely covered with water and that the water bubbles on top.
- Cover the pan with a lid and bring to a rolling boil, making sure the pan does not boil dry.
- Wash your hands with soap and water, and dry with a clean or disposable cloth.
- Read the instruction on packaging for the correct number of scoops and powder, adding more or less than indicated may affect your child's well-being.
- Using clean hands, pour the correct amount of hot water into a clean and sterilized bottle. The water should be no cooler than 70°C, so do not use it more than 30 minutes after boiling.
- Thoroughly dry each scoop by shaking or blowing it.
- Immediately add to feeding measurement by holding the scoop under cold running tap water, or by pouring it into a container of cold or red water so that you do not contaminate the hot water with the top part of the scoop, which is recommended by the bottle.
- Check the temperature of the feed by dropping a little onto the inside of your wrist. It should feel warm, not hot. If it is still too hot, cool more time before feeding.
- Freeze any left that has not been used within two hours.

*Preparation with water temperature higher than 70°C can be the effect of probiotics.
†Store at 25°C or less. Use at the end of the shelf life and use immediately after opening.

Manufactured by: DANONE NUTRICIA NZ LTD (REG0888)
19-21 Avenue Road, Upper Level, Auckland, 2017, New Zealand.
Imported by: DANONE SPECIALITY NUTRITION (CAMBODIA) CO., LTD
The 3rd Floor of Regency Complex (3/1) 2, Samdech Norodom Blvd (3/1)
Sangkat Tereak, Tleak, Khan Chamkarum, Phnom Penh.
494 8122844

Patented Synbiotic registered in EU

Aptamil[®]



TODDLER FORMULA

Net Weight 900g e

TODDLER 12-24 MONTHS



AVERAGE ANALYSIS	Per 100g Powder	Per 100ml
Energy	kcal: 435	70
	kJ: 1818	293
Fat	g: 14.5	2.5
Monounsaturated Fatty Acids	g: 3.2	0.5
Polysaturated Fatty Acids	g: 0.7	0.1
DHA (Docosahexaenoic Acid)	mg: 180	29
Alpha-Linolenic Acid (Omega-3)	mg: 108	17.5
Saturated Fatty Acids	g: 9.9	1.6
Trans Fatty Acids	g: 1.3	0.2
CPA	mg: 53	0.6
Protein	g: 7.55	2.5
20% Whey Protein	g: 3.1	0.5
B0% Casein	g: 12.4	2.0
Carbohydrates	g: 5.7	0.92
Oligosaccharides mixture (90% scGOS [®] , 10% lcFOS [®])	g: 8.1	1.3
Vitamin A (incl. β-carotene)	µg RE: 330	63
Vitamin D3	µg: 6.8	1.1
Vitamin E	mg α-TE: 10.5	1.7
Vitamin B1	µg: 430	70.2
Vitamin B2	µg: 1053	175.4
Niacin	µg: 5600	877.2
Vitamin B6	µg: 680	105.3
Folic Acid	µg: 166	29.8
Vitamin B12	µg: 1.0	0.16
Vitamin C	mg: 74	12
Calcium	mg: 982	110.5
Phosphorus	mg: 457	72.8
Magnesium	mg: 66	10.7
Sodium	mg: 173	28.1
Iron	mg: 8.7	1.4
Zinc	mg: 3.6	0.6
Iodine	µg: 117	18.4
B. breve M-16V [®]	CFU: 296x10 ⁷	482x10 ⁷

INGREDIENTS: Sterilized milk (cow's milk), lactose (cow's milk), terebin (cow's milk), polydiphosphates (DAP) (cow's milk), very clean lactose oligosaccharides (scGOS) (dairy root), dextrose (sugar) and DHA (fish oil), vitamins: calcium carbonate, magnesium sulphate, folic acid, sodium ascorbate, nicotinamide, riboflavin, vitamin A acetate, vitamin B1, B2, B6, B12, cyanocobalamin, vitamin C, vitamin E, zinc citrate, and B. breve M-16V.

Contains essential omega-3 fatty acids and enhanced medical ingredients, including probiotics of a prebiotic (scGOS) and addition of a plant-based prebiotic.

TODDLER FORMULA based on cow's milk



NUTRICIA has over 120 years of expertise in **early life nutrition** and has been **pioneering research** for 40 years with our passionate team of more than 500 scientists and experts to understand how it supports your young child's development and nutritional needs.

Our research has enabled us to develop our **next generation TODDLER FORMULA**, new Aptamil[®] with our **Patented Synbiotic** and important nutrients which are specifically tailored to help meet the increasing nutritional needs of your child's growth & development at an early age.



NUTRITION COMPANY IN EUROPE²

Based on 40 years of research on early life nutrition, Aptamil[®] step 2 with Patented Synbiotic[®] contains:

Patented Synbiotic[®] is a unique combination of Prebiotics (scGOS/lcFOS 9:1) and Probiotic *B. breve* M-16V[®] help to support immune function.

DHA^{*} for brain development and key important nutrients^{**} to support normal neuro function.

^{*}Source: Nestlé Research Center, Vevey, Switzerland.
^{**}Source: Nestlé Research Center, Vevey, Switzerland.

Calcium and Vitamin D₃ to support development of strong bones and teeth.

16 Vitamins and Minerals contribute to normal growth and development in children.

¹Based on calculation based on data reported by Nestlé Research Center, Vevey, Switzerland for the infant Aptamil[®] (DAP) (DAP) for the 20-year period ending June 2009. For more information on this research, please visit www.nestle.com.
²Source: Nestlé Research Center, Vevey, Switzerland. © 2009 Nestlé Company.



CALL ON OUR EXPERTISE ☎ 1800-212-160

If you would like to learn more about our formulation, please visit:

- www.aptaclub.com.kh
- [Aptaclub Cambodia](https://www.facebook.com/AptaclubCambodia)
- Aptaclub.KH@Danone.com



BẢNG CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU LÝ HÓA

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng trên 100 g	Mức chất lượng trên 100 ml	Mức chất lượng trên 100 kcal	Mức RNI đáp ứng cho trẻ từ 12-24 tháng
1	Năng lượng	Kcal	304,5 – 565,5	49 – 91	70 – 130	
2	Chất béo	g	10,01 – 18,59	1,61 – 2,99	2,31 – 4,29	
3	Acid α -linolenic	mg	75,6 – 140,4	12,22 – 22,75	17,36 – 32,24	
4	Acid Docosaheptaenoic (DHA)	mg	126 – 234	20,3 – 37,7	28,7 – 53,3	
5	Acid Eicosapentaenoic (EPA)	mg	37,1 – 68,9	6,02 – 11,18	8,4 – 15,6	
6	Carbohydrate	g	39,9 – 74,1	6,44 – 11,96	9,17 – 17,03	
7	Chất đạm	g	10,85 – 20,15	1,75 – 3,25	2,52 – 4,68	
8	Vitamin A	μ g-RE	273 – 507	44,1 – 81,9	63 – 117	15,75%
9	Vitamin D3	μ g	4,76 – 8,84	0,77 – 1,43	1,12 – 2,08	22%
10	Vitamin E	mg α TE	7,35 – 13,65	1,19 – 2,21	1,68 – 3,12	42,5%
11	Vitamin C	mg	51,8 – 96,2	8,4 – 15,6	11,9 – 22,1	40%
12	Vitamin B1	μ g	301 – 559	49,1 – 91,26	69,3 – 128,7	33%
13	Vitamin B2	μ g	737,1 – 1368,9	122,78 – 228,02	169,4 – 314,6	43,85%
14	Niacin (B3)	μ g	3920 – 7280	614,04 – 1140,36	900,9 – 1673,1	21,93%
15	Vitamin B6	μ g	476 – 884	73,71 – 136,89	109,2 – 202,8	35,1%
16	Acid Folic	μ g	130,2 – 241,8	20,86 – 38,74	30,1 – 55,9	37,25%
17	Vitamin B12	μ g	0,7 – 1,3	0,11 – 0,21	0,16 – 0,3	40%
18	Calci	mg	477,4 – 886,6	77,35 – 143,65	109,9 – 204,1	27,63%
19	Photpho	mg	316,4 – 587,6	50,96 – 94,64	72,8 – 135,2	26,47%
20	Magnesi	mg	46,2 – 85,8	7,49 – 13,91	10,64 – 19,76	19,81%
21	Natri	mg	121,1 – 224,9	19,67 – 36,53	28 – 52	
22	Sắt	mg	6,09 – 11,31	0,98 – 1,82	1,4 – 2,6	
23	Kẽm	mg	2,52 – 4,68	0,42 – 0,78	0,57 – 1,07	
24	Iod	mg	81,9 – 152,1	12,88 – 23,92	18,9 – 35,1	20,44%

NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

THỰC PHẨM BỔ SUNG APTAMIL 2 TODDLER FORMULA (Dành cho trẻ từ 12 – 24 tháng tuổi)

Để được tư vấn thêm thông tin về Dinh Dưỡng và Sản phẩm, vui lòng liên hệ Bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của Aptamil:

Hotline: 1800 5858 06 (8:30 – 17:30, Thứ 2 – Thứ 6)

Website: www.aptaclub.com.vn

Facebook: Aptaclub Vietnam.

Hướng dẫn pha loãng chuẩn:

Pha 1 muỗng (9,2g) Aptamil 2 Toddler Formula với 50ml nước. Tỷ lệ này có thể thay đổi theo chỉ định của nhân viên y tế. Pha sữa không đúng cách có thể ảnh hưởng sức khỏe của bé. Chỉ pha sẵn 1 bình cho một lần dùng. Sử dụng muỗng đo lường được cung cấp.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ				
Độ tuổi	Lượng dùng một lần			Số lần uống/ngày
	Lượng bột (muỗng)	Lượng nước		
		ml	fl oz	
12-24 tháng	2	100	3,4	4

Hướng dẫn vệ sinh:



1. Rửa tay trước khi pha sữa cho bé



2. Tiệt trùng tất cả các dụng cụ như cốc/ bình hoặc muỗng bằng cách đun sôi trong nước khoảng 10 phút



3. Đổ đúng lượng nước đun sôi (như trên bảng hướng dẫn) vào cốc/ bình đã được làm sạch và tiệt trùng. Cần thận để tránh bỏng nước sôi.



4. Làm mát nước này đến nhiệt độ pha phù hợp (khoảng 40°C) bằng cách giữ bình dưới vòi nước lạnh, hoặc đặt trong một tô chứa nước đá. Để tránh làm bắn nước bên trong cốc/ bình, hãy đảm bảo rằng mức nước làm mát nằm dưới nắp chai.



5. Thêm bột vào bình với lượng tương ứng theo khuyến nghị tại bảng hướng dẫn

Hướng dẫn bảo quản: Sử dụng trước thời hạn in trên đáy bao bì. Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo thoáng mát trước và sau khi mở hộp. Sau khi mở hộp, hạn chế để sản phẩm tiếp xúc không khí và sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

Thành phần: Sữa tách béo (sữa bò) 42,2%, đường lactose (sữa bò) 34,1%, kem sữa (sữa bò) 13,6%, galacto-oligosaccharides (GOS) 7,5% (sữa bò), fructo-oligosaccharides chuỗi dài (lcFOS) (rễ rau diếp xoăn), DHA (dầu cá), các khoáng chất [calci carbonat (calcium carbonate), Magnesi sulphat (Magnesium sulphate), sắt (II) sulfat (ferrous sulphate), kẽm sulfat (zinc sulphate), kali iodid (potassium iodide), các vitamin [Vitamin E (DL-alpha tocopheryl acetate), vitamin C (Sodium L-ascorbate), Nicotinamide, riboflavin, vitamin A (retinyl acetat), vitamin D3 (Cholecalciferol), acid folic (N-Pteroyl-L-glutamic acid), Vitamin B6 (Pyridoxin hydrochloride), vitamin B1 (thiamin hydrochloride), B.Breve M-16V.

Chứa chất nhũ hóa [lecithin (đậu nành) (INS 322 (i)), chất chống oxy hóa [Tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp) (INS 307b), ascorbyl palmitat (INS 304), dl-alpha tocopherol (INS 307c)]. Tất cả các chất phụ gia có nguồn gốc thực vật hoặc tổng hợp.



Lưu ý: Aptamil 2 Toddler Formula là sản phẩm công thức cho trẻ từ 12 – 24 tháng tuổi. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác

Xuất xứ: New Zealand

Sản xuất bởi: Danone Nutricia NZ Ltd

Địa chỉ: 56-58 Aintree Avenue, Airport Oaks, Auckland, 2022, New Zealand

Nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm: **CÔNG TY TNHH ĐẤT MỚI**

Địa chỉ: Lô 133 - 1C, Đại lộ Độc Lập, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thành phần, thông tin dinh dưỡng: Xem trên bao bì

Khối lượng tịnh: 900 g

Ngày sản xuất (MDF) và hạn sử dụng (EXP): xem dưới đáy hộp.

Số ĐKCB:

Bình Dương, ngày 08 tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN



Đào Lý

